

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HS - ST

Ngày 30/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Tùng và ông Ma Văn Nhạc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Giang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Triệu Xuân Trìu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2023/TLST-HS, ngày 02 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Đặng Văn S - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 17 tháng 6 năm 1995 tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Đặng Chòi M, sinh năm 1975 và bà Đặng Thị C, sinh năm 1964; Vợ, con: Chưa có:

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Phương B - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị hại:

Chị Dương Thị H, sinh năm 1981 - Trú tại: Thôn K, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Triệu Y C1, sinh năm 1975, trú tại: Thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Triệu Tạ C2, sinh năm 2000, trú tại: Thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam P, Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Đặng Phù L, sinh năm 1995, trú tại: Thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam P, Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/10/2016, Đặng Văn S biết Đặng Phù L, sinh năm 1995, trú tại thôn B, xã N, huyện T, (nay là huyện H), tỉnh Cao Bằng đang chơi ở xã X, huyện P. Khoảng 16 giờ cùng ngày, S gọi điện rủ L lên xã B, huyện P chơi, L đồng ý và điều khiển xe mô tô không biển kiểm soát của mình lên gặp S và cùng nhau đi vào phòng trọ học của Triệu Tạ C2, sinh ngày 23/9/2000, trú tại thôn K, xã B. Khoảng 22 giờ cùng ngày, S rủ L và C2 đi vào xã N, huyện P để tìm xe máy trộm cắp, C2 và L đồng ý. Sau đó, cả ba người đi chung xe của L do C2 điều khiển đến thôn K, xã N thì phát hiện chiếc xe mô tô màu đỏ đen, nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 97B1-564.02 của bà Dương Thị H có khóa ổ điện dựng ở dưới hiên nhà. Chiu, S, L tiếp tục đi được một đoạn thì điều khiển xe quay lại, khi đến gần nhà bà H thì C2 điều khiển xe chậm lại để S và L xuống xe rồi S một mình vào dắt chiếc xe bà H xuống đường và cùng L thả trôi dóc đến chỗ C2 đứng đợi rồi cùng nhau rút dây mát đầu nối, nổ được xe. Sau đó L điều khiển chiếc xe trộm cắp được và cùng S, C2 đi đến huyện B, tỉnh Cao Bằng bán cho một người đàn ông tên G được số tiền 3.300.000 đồng, chia mỗi người được 1.000.000 đồng, số tiền còn lại đã dùng để ăn uống và mua xăng xe hết. Sau khi cùng Đặng Phù L, Triệu Tạ C2 trộm cắp chiếc xe của bà Dương Thị H, Đặng Văn S bỏ đi khỏi địa phương, vượt biên sang nước Trung Quốc, nước Cam Pu C3 để làm thuê. Đến ngày 26/5/2023, Sính quay về Việt Nam, khi đến thành phố V, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu thì bị Phòng an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an tỉnh B phát hiện và bắt giữ theo Quyết định truy nã.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12/HĐĐGTS ngày 12/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận: Một xe mô tô màu đỏ đen, nhãn hiệu HONDA Wave RSX, loại xe nữ, màu sơn đỏ đen, biển số đăng ký 97B1-564.02 trị giá là 21.850.000 đồng.

Quá trình điều tra vụ án, bị cáo Đặng Văn S thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của Đặng Phù L, Triệu Tạ C2 và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 8.500.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội.

Về vật chứng:

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RSX, biển số đăng ký 97B1-564.02, sau khi lấy trộm, bị cáo và các đối tượng đã bán, không thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô không biển kiểm soát của Đặng Phù L mà bị cáo cùng Đặng Phù L, Triệu Tạ C2 sử dụng để đi trộm cắp tài sản đã được giải quyết trong vụ án khác.

Trách nhiệm dân sự: Bà Dương Thị H yêu cầu bồi thường chiếc xe bị mất, tiền công truy tìm với số tiền 25.000.000 đồng, tại Bản án hình sự số 11 ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm đã tuyên buộc Đặng Phù L, Triệu Y C1 mỗi người phải bồi thường cho bà Dương Thị H với số tiền 12.500.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án Đặng Phù L và Triệu Y C1 yêu cầu bị cáo S phải chịu trách nhiệm bồi thường chung số tiền 25.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSPN ngày 30 tháng 9 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm đã truy tố bị cáo Đặng Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

a) Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20; Điều 33; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, xử phạt bị cáo Đặng Văn S từ 06 đến 09 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Các Điều 584; 585; 586; 587; 589 của Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho ông Triệu Y C1 số tiền 4.167.000đ và bồi hoàn lại cho anh Đặng Phù L số tiền 4.167.000đ.

* Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tạm giữ số tiền **8.500.000đ** để đảm bảo thi hành án cho bị cáo

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Bị cáo Đặng Văn S được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản luận cứ của người bào chữa vắng mặt tại phiên tòa. Người bào chữa nhận thấy việc xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền tại chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và miễn án phí cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an P1, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người bào chữa và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo, bị hại đồng ý việc vắng mặt của người bào chữa và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Căn cứ Điều 291, Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ căn cứ khẳng định:

Khoảng hơn 22 giờ ngày 26/10/2016 tại thôn K, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, Đặng Văn S, Đặng Phú L1, Triệu Tạ C2, đã trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 97B1- 564.02 trị giá 21.850.000 đồng của bà Dương Thị H. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Đánh giá về vai trò của bị cáo

Trong vụ án này bị cáo Đặng Văn S và Triệu Tạ C2, Đặng Phú L đều là đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn không ai giữ vai trò cầm đầu. Tuy nhiên bị cáo là người khởi xướng, rủ rê L và C2 đi trộm cắp, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi của mình. Trong vụ án này còn có Đặng Phú L và Triệu Tạ C2 cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà H nhưng đã bị xét xử và đang chấp hành án.

[4] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội gây mất trật tự trị an ở địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân trong quản lý tài sản, do vậy cần phải ra một bản án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả điều tra, xác minh cho thấy bị cáo không có công việc ổn định, bị cáo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “xúi giục Triệu Tạ C2 là người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động cho gia đình nộp vào cơ quan thi hành án dân sự số tiền 8.500.000đ để khắc phục hậu quả, tại phiên tòa bị cáo xin lỗi bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do vậy bị cáo được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[6] Về vật chứng vụ án:

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RSX, biển số đăng ký 97B1-564.02, sau khi lấy trộm, bị cáo và các đối tượng đã bán, không thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô không biển kiểm soát của Đặng Phù L mà bị cáo cùng Đặng Phù L, Triệu Tạ C2 sử dụng để đi trộm cắp tài sản đã được giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Dương Thị H yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường chiếc xe bị mất, tiền công truy tìm với số tiền 25.000.000 đồng. Tại Bản án hình sự số 11 ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm đã tuyên buộc Đặng Phù L, Triệu Y C1 mỗi người phải bồi thường cho bà Dương Thị H với số tiền 12.500.000 đồng. Tại phiên tòa Đặng Phù L và Triệu Tạ C2, Triệu Y C1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có ý kiến đề nghị bị cáo S phải có trách nhiệm hoàn lại cho Đặng Phù L và Triệu Y C1 mỗi người 4.167.000đ bị cáo nhất trí theo đề nghị. Hội đồng xét xử xét thấy việc Đặng Phù L và Triệu Y C1 đề nghị bị cáo phải có trách nhiệm hoàn lại cho Đặng Phù L và Triệu Y C1 mỗi người 4.167.000đ là có căn cứ, do vậy cần ghi nhận tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn cho ông Triệu Y C1 số tiền 4.167.000đ.

Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn cho anh Đặng Phù L số tiền 4.167.000đ.

[8]. Về biện pháp tư pháp:

Tạm giữ số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 0000781, ngày 30/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[9]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Đánh giá việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và miễn án phí cho bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định đề nghị của người bào chữa là có cơ sở, do vậy được Hội đồng xét xử xem xét.

[10]. Về án phí: Bị cáo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ cận nghèo và có đơn đề nghị xin miễn án phí, do vậy cần miễn án phí cho bị cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn S phạm tội trộm cắp tài sản.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20; Điều 33; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn S 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Các Điều 584; 585; 586; 587; 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn cho ông Triệu Y C1, sinh năm 1975 trú tại: Thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 4.167.000đ (Bốn triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn cho anh Đặng Phù L, sinh năm 1995 trú tại: Thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng số tiền 4.167.000đ (Bốn triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

- Tạm giữ số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 0000781, ngày 30/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Sau khi thi hành xong các khoản tiền cho bị cáo thì khoản tiền còn thừa được trả lại cho bị cáo.

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

Bị cáo Đặng Văn S được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)

- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Pác Nặm. (03b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- Sở Tư pháp. (01b)
- Người bào chữa (01b)
- Bị cáo. (01b)
- Bị hại. (01b)
- Người có QL,NVLQ. (03b)
- Lưu hs;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Tuấn